

9. Mahmood S., Jalal Z., Hadi M. A., Orooj H., Shah K. U. Non-adherence to prescribed antihypertensives in primary, secondary and tertiary healthcare settings in Islamabad, Pakistan: a cross-sectional study. *Patient preference and adherence*. 2020. 73-85, DOI: 10.2147/PPA.S235517.
10. Pluta A., Sulikowska B., Manitius J., Posieczek Z., Marzec A. et al. Acceptance of illness and compliance with therapeutic recommendations in patients with hypertension. *International journal of environmental research and public health*. 2020. 17(18), 1-10, DOI: 10.3390/ijerph17186789.

TÌNH HÌNH NHIỄM NẤM *CANDIDA* SPP. Ở PHỤ NỮ VIÊM ÂM ĐẠO TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG CẦN THƠ NĂM 2022-2023

Nguyễn Thị Bé Ni^{1*}, Trần Ngọc Dung², Lâm Đức Tâm^{2,3}, Đỗ Hoàng Long², Đinh Thị Hương Trúc², Nguyễn Thị Thảo Linh², Phan Hoàng Đạt²

1. Trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

3. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ

*Email: nguyennicdyt@gmail.com

Ngày nhận bài: 31/7/2023

Ngày phản biện: 22/8/2023

Ngày duyệt đăng: 15/9/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Viêm âm đạo là một trong những bệnh phụ khoa hay gặp nhất ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ với tác nhân gây viêm âm đạo thường gặp là nấm *Candida* spp. Việc chẩn đoán viêm âm đạo do nấm *Candida* chủ yếu dựa vào soi tươi mẫu dịch phết âm đạo và nuôi cấy nấm trong môi trường thạch Sabouraud. **Mục tiêu nghiên cứu:** (1) Xác định tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo đến khám tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ năm 2023; 2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình hình viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu trên 150 phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ và chẩn đoán xác định là viêm âm đạo. Bệnh nhân được lấy mẫu dịch phết âm đạo, làm xét nghiệm soi tươi và nuôi cấy trong môi trường Sabouraud. **Kết quả:** Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua soi tươi là 22,7% và nuôi cấy trong môi trường Sabouraud là 38,0%. Một số yếu tố liên quan gồm nguồn nước không hợp vệ sinh, thói quen vệ sinh sinh dục hàng ngày, thay băng vệ sinh khi hành kinh, vệ sinh sau tiểu tiện ($p < 0,05$). **Kết luận:** Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua soi tươi là 22,7%, nuôi cấy trong môi trường Sabouraud là 38,0%. Viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. có liên quan đến nguồn nước sinh hoạt, thói quen vệ sinh sinh dục, thay băng vệ sinh khi hành kinh, vệ sinh sau tiểu tiện ($p < 0,05$).

Từ khóa: Viêm âm đạo, nấm *Candida* spp., Sabouraud.

ABSTRACT

THE INCIDENCE OF *CANDIDA* SPP. INFECTED IN WOMEN VAGINITIS AT CAN THO CENTRAL GENERAL HOSPITAL IN 2022-2023

Nguyen Thi Be Ni^{1*}, Tran Ngoc Dung², Lam Duc Tam^{2, 3}, Do Hoang Long², Dinh Thi Huong Truc², Nguyen Thi Thao Linh², Phan Hoang Dat²

1. Kien Giang Medical College

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

3. Can Tho Central General Hospital

Background: Vaginitis is one of the most common gynecological diseases in women of childbearing age with the common causative agent of vaginitis being *Candida* spp. The diagnosis of *Candida* vaginitis is mainly based on the fresh examination of vaginal swab samples and fungal culture in Sabouraud agar. **Objectives:** (1) Determine the prevalence of *Candida* spp. infection in women with vaginitis visiting Can Tho Central General Hospital in 2023; (2) Learn some factors related to the situation of vaginitis caused by *Candida* spp. in women with vaginitis. **Materials and method:** Research on 150 women who came to the gynecological examination at Can Tho Central General Hospital and confirmed the diagnosis of vaginitis. The patient was sampled with vaginal swabs, examined under fresh microscopy and cultured in Sabouraud agar. **Results:** The rate of vaginitis caused by *Candida* spp. by fresh scanning is 22.7% and cultured in Sabouraud agar is 38.0%. Some related factors include an unhygienic water source, daily genital hygiene habits, changing dressings during menstruation, hygiene after urination ($p < 0.05$). **Conclusion:** The rate of vaginitis caused by *Candida* spp. through fresh scanning is 22.7%; cultured in Sabouraud agar is 38.0%. Vaginitis caused by *Candida* spp. is related to domestic water sources, habits of genital hygiene, changing dressings during menstruation, hygiene after urination ($p < 0.05$).

Keywords: Vaginitis, *Candida* spp., Sabouraud.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm âm đạo là một trong những bệnh phụ khoa hay gặp nhất ở phụ nữ, đặc biệt ở những phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Bệnh viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. chủ yếu do nấm *Candida albicans* gây ra, ước tính ảnh hưởng đến khoảng 138 triệu phụ nữ mỗi năm trên toàn thế giới và 492 triệu người trong suốt cuộc đời của họ [1]. Hầu hết phụ nữ đều có ít nhất một lần trong đời có biểu hiện lâm sàng viêm âm đạo do nấm *Candida*. Nhiều phụ nữ bị nhiễm nấm *Candida* nhưng không có triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm soi tươi hoặc nuôi cấy có nấm. Khoảng 90% trường hợp viêm âm đạo do nấm có căn nguyên là *Candida albicans* [2]. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, các nghiên cứu về viêm nhiễm đường sinh dục dưới cho thấy tỷ lệ mắc bệnh viêm âm đạo khá cao. Việc phát hiện các tác nhân này chủ yếu dựa vào soi tươi mẫu dịch phết âm đạo, được lấy qua thăm khám phụ khoa. Tuy nhiên, dựa vào cách phát hiện này, một số viêm âm đạo do nấm, đặc biệt là nấm *Candida* spp. thường bị hạn chế do tỷ lệ phát hiện thấp và không xác định được cụ thể loại nấm *Candida* gây bệnh.

Tại thành phố Cần Thơ, vấn đề phát hiện và phân loại tác nhân nấm *Candida* spp. gây viêm âm đạo ở phụ nữ chưa được quan tâm đúng mức, làm hạn chế khả năng điều trị, cũng như phòng ngừa tái phát viêm âm đạo do tác nhân này. Trên cơ sở đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Tình hình nhiễm nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ năm 2022-2023” với 2 mục tiêu: (1) Xác định tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo đến khám tại phòng khám Sản, Bệnh viện Đa khoa

Trung ương Cần Thơ năm 2023 qua phương pháp soi tươi dịch phết âm đạo và nuôi cấy trong môi trường Sabouraud. (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình hình viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các phụ nữ đến khám phụ khoa tại phòng khám Sản, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ trong thời gian nghiên cứu và được chẩn đoán xác định là viêm âm đạo.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Phụ nữ từ 18 đến 49 tuổi, có chồng, đồng ý tham gia nghiên cứu, được chẩn đoán xác định viêm âm đạo khi có một trong các triệu chứng lâm sàng như ra khí hư bất thường, ngứa kèm theo cảm giác rát bỏng ở âm hộ, âm đạo, đau rát sinh dục đặc biệt khi quan hệ tình dục.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Phụ nữ đang hành kinh hoặc ra huyết âm đạo khi thăm khám, đang có thai hay nghi ngờ có thai, có dùng thuốc kháng sinh đường âm đạo trong vòng 1 tháng, đặt thuốc hay thực rửa âm đạo trong vòng 24-72 giờ trước khi đến khám, đang mắc bệnh lý nghi ngờ ác tính ở âm hộ, âm đạo, cổ tử cung, đang điều trị các bệnh lý nhiễm khuẩn cấp tính.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Thời gian nghiên cứu:** Từ tháng 1/2023 đến tháng 5/2023.

- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Áp dụng công thức:

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Với $\alpha=0,05$; $Z=1,96$; $d=0,07$; $p=0,225$ (p là tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua soi tươi mẫu phết âm đạo theo Ngũ Quốc Vĩ năm 2013) [3]. Từ công thức trên ta có cỡ mẫu tối thiểu cần có để nghiên cứu $n=137$ mẫu. Trên thực tế chúng tôi thu thập được 150 mẫu. Chúng tôi chọn mẫu thuận tiện bằng cách chọn tất cả phụ nữ đến khám phụ khoa tại phòng khám Sản, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu trong thời gian nghiên cứu.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Ở phụ nữ bị viêm âm đạo được chẩn đoán qua thăm khám, dùng kỹ thuật soi tươi mẫu dịch phết âm đạo và nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud nhằm phát hiện nấm *Candida* spp. để xác định tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua hai phương pháp.

+ Khảo sát một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo trong nghiên cứu bằng kỹ thuật nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud với một số yếu tố như tình trạng kinh nguyệt, thói quen vệ sinh sinh dục hàng ngày, nguồn nước sinh hoạt, vệ sinh sau khi đi tiểu tiện, thay băng vệ sinh khi hành kinh.

- **Phương pháp thu thập số liệu:**

+ Phụ nữ đến khám sau khi được chẩn đoán xác định viêm âm đạo dựa vào các biểu hiện lâm sàng, sẽ được khám lâm sàng để đánh giá tính chất khí hư và lấy mẫu dịch phết khí hư ở âm đạo bằng cách dùng một que gòn vô trùng lấy khí hư từ túi cùng bên của âm đạo. Sau đó, tiến hành phỏng vấn các đối tượng nghiên cứu theo bộ câu hỏi được soạn sẵn để khảo sát một số yếu tố liên quan.

+ Thực hiện soi tươi mẫu khí hư: Chuẩn bị sẵn một lame sạch trên có nhỏ sẵn một giọt nước muối sinh lý trên lam, phết que có mẫu phết dịch khí hư âm đạo lên lam, đặt lamelle lên trên và soi trực tiếp dưới kính hiển vi quang học ở vật kính 10 và vật kính 40 để tìm tế bào hạt men hoặc sợi tơ nấm giả nấm để xác định là nhiễm nấm *Candida* spp.

+ Thực hiện nuôi cấy mẫu khí hư âm đạo bằng cách cho que gòn vào nước muối sinh lý để tạo huyền dịch và dùng que cấy lấy huyền dịch cấy lên đĩa thạch môi trường Sabouraud, ủ đĩa thạch ở nhiệt độ 37°C sau 24 giờ, lấy ra quan sát đĩa thạch có khuẩn lạc mọc sẽ đọc kết quả nuôi cấy dương tính. Ghi nhận tỷ lệ mẫu nuôi cấy dương tính trên số mẫu nghiên cứu.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Các số liệu sau khi thu thập được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Dùng test thống kê χ^2 ở mức ý nghĩa 5% để phân tích một số yếu tố liên quan đến tình trạng viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở phụ nữ.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu không vi phạm y đức do người bệnh đều được hỏi ý kiến, đồng ý tham gia nghiên cứu, các thủ thuật khám, lấy bệnh phẩm đều không xâm lấn nên không gây xâm hại đến người bệnh và các xét nghiệm sử dụng là các xét nghiệm thường áp dụng khi khám phụ khoa, các thông tin của người bệnh đều được giữ bí mật.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

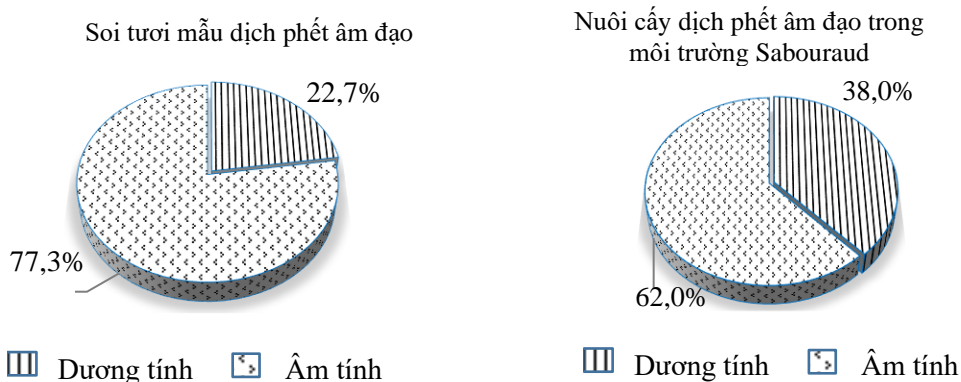
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

	Đặc điểm	Tần số (n=150)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	< 20 tuổi	5	3,3
	20-30 tuổi	37	24,7
	31-40 tuổi	66	44,0
	41-49 tuổi	42	28,0
Nghề nghiệp	Công nhân	13	8,7
	Cán bộ viên chức	10	6,7
	Nông dân	43	28,7
	Buôn bán	32	21,3
	Nội trợ	35	23,3
	Nghề tự do	17	11,3
Trình độ học vấn	Mù chữ	3	2,0
	Tiểu học	36	24,0
	Trung học cơ sở	49	32,7
	Trung học phổ thông	32	21,3
	Trên trung học phổ thông	30	20,0

Nhận xét: Phụ nữ có độ tuổi thấp nhất là 18 tuổi, cao nhất là 49 tuổi, tuổi trung bình là 34,8±8,4 tuổi. Độ tuổi từ 31-40 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất 44,0%, tỷ lệ thấp nhất dưới 20 tuổi với tỷ lệ 3,3%, Phụ nữ có trình độ học vấn từ trung học cơ sở chiếm đa số với 32,7%, tiếp đến là tiểu học với 24,0%. Phụ nữ là nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất với 28,7%.

3.2. Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở phụ nữ trong nghiên cứu



Biểu đồ 1. Tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. bằng kỹ thuật soi tươi mẫu dịch phết âm đạo

Biểu đồ 2. Tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. bằng kỹ thuật nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud

Nhận xét: Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua phương pháp soi tươi mẫu dịch phết âm đạo là 22,7% (34/150). Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua phương pháp nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud là 38,0% (57/150).

3.3. Một số yếu tố liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp.

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. (n=150)

Yếu tố liên quan		Viêm âm đạo do nấm <i>Candida</i> spp.				p OR (KTC 95%)
		Có (n=57)		Không (n=93)		
		Tần số	%	Tần số	%	
Tình trạng kinh nguyệt	Bất thường (n=69)	25	36,2	44	63,8	0,681 0,870 (0,45-1,69)
	Bình thường (n=81)	32	39,5	49	60,5	
Thói quen vệ sinh sinh dục hàng ngày	1 – 2 lần/ngày (n=94)	43	45,7	51	54,3	0,011 2,53 (1,22-5,24)
	≥ 3 lần/ngày (n=56)	14	25,0	42	75,0	
Nguồn nước sinh hoạt	Không hợp vệ sinh (n=22)	14	63,6	8	36,4	0,007 3,46 (1,35-8,88)
	Hợp vệ sinh (n=128)	43	33,6	85	66,4	
Vệ sinh sau khi tiểu tiện	Lau khô (n=45)	25	55,6	20	44,4	0,004 2,85 (1,39-5,86)
	Rửa và lau khô (n=105)	32	30,5	73	69,5	
Thay băng vệ sinh khi hành kinh	1 – 2 lần/ngày (n=61)	32	52,5	29	47,5	0,003 2,83 (1,43-5,59)
	≥ 3 lần/ngày (n=89)	25	28,1	64	71,9	

Nhận xét: Một số yếu tố có liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. như thói quen vệ sinh sinh dục hàng ngày từ 1-2 lần/ngày, nguồn nước sinh hoạt không hợp vệ sinh (nước sông, ao, hồ), vệ sinh sau khi tiểu tiện bằng cách lau khô, thay băng vệ sinh khi hành kinh từ 1-2 lần/ngày (đều có p<0,05). Một số yếu tố chưa phát hiện có liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. là tình trạng kinh nguyệt (p>0,05).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Phụ nữ trong nghiên cứu có độ tuổi trung bình là $34,8 \pm 8,4$ tuổi, kết quả này tương đương với nghiên cứu của Dương Mỹ Linh (2020) là $33,5 \pm 8,9$ tuổi [4]. Đồng thời kết quả này thấp hơn so với Lâm Hồng Trang (2018) là $38,4 \pm 7,4$ tuổi, Ngũ Quốc Vĩ (2021) là $40,5 \pm 13,0$ tuổi và cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Tiến Nhựt (2018) là $31,8 \pm 8,2$ tuổi [5], [6], [7]. Sự chênh lệch này có thể do các sự phân chia các nhóm tuổi và sự phân bố độ tuổi trong các nghiên cứu có sự khác nhau. Nghề nghiệp chủ yếu trong nghiên cứu của chúng tôi là nông dân chiếm 28,7%, nghiên cứu của chúng tôi tương đương với nghiên cứu của Ngũ Quốc Vĩ (2013) và Dương Mỹ Linh (2020) với nghề nghiệp là nông dân chiếm đa số, điều này là phù hợp với địa lý của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long với nghề nông là chủ yếu [3], [4]. Trình độ học vấn từ trung học cơ sở chiếm đa số với tỷ lệ 32,7% tương đương với kết quả nghiên cứu của Ngũ Quốc Vĩ (2013) với tỷ lệ 33,7%, lý giải cho sự phù hợp này có thể do đối tượng của chúng tôi đến khám tại cùng địa điểm nghiên cứu [3].

4.2. Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo nghiên cứu

Tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. dựa vào kết quả soi tươi mẫu dịch phết âm đạo là 22,7% thấp hơn so với nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud là 38,0%.

Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. trong nghiên cứu của chúng tôi qua soi tươi là 22,7%, tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của Ngũ Quốc Vĩ (2013) là 22,5%, Nguyễn Tiến Nhựt (2018) với tỷ lệ 20,2%, Lâm Hồng Trang (2018) là 26,0%, Đỗ Thị Thùy Dung (2020) là 23,8% và cao hơn tỷ lệ của Ngũ Quốc Vĩ (2021) với tỷ lệ phát hiện là 9,6%, Dương Mỹ Linh (2020) là 13,0% và Thân Trọng Quang (2021) với tỷ lệ là 13,9% [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9]. Kết quả của chúng tôi lại thấp hơn Phan Anh Tuấn (2013) với tỷ lệ 35,2% [10]. Điều này cho thấy rằng sự chênh lệch này không đáng kể ở các địa bàn nghiên cứu khác nhau.

Kết quả nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud dương tính là 38,0% thấp hơn kết quả nuôi cấy của Đỗ Thị Thùy Dung (2020) với tỷ lệ là 52,2% [8]. Sự khác biệt về tỷ lệ phát hiện nấm *Candida* spp. qua kết quả nuôi cấy có thể do thời gian nghiên cứu ngắn, cỡ mẫu chưa đủ lớn để có thể đại diện cho tỷ lệ phụ nữ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. đến khám tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ nên tỷ lệ của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Đỗ Thị Thùy Dung tại Bệnh viện Quân y 103.

Nhìn chung kết quả phát hiện nấm *Candida* spp. qua soi tươi cho kết quả phát hiện thấp do đây là nhận định chủ quan của người đọc kết quả, việc kết hợp giữa hai kỹ thuật soi tươi và nuôi cấy sẽ cho kết quả phát hiện nhiễm nấm cao hơn và tránh hạn chế bỏ sót các trường hợp có nhiễm nấm không được chẩn đoán.

4.3. Một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* spp. ở phụ nữ viêm âm đạo nghiên cứu

Qua khảo sát, chúng tôi ghi nhận tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở phụ nữ có liên quan đến thói quen vệ sinh sinh dục từ 1-2 lần/ngày cao hơn gấp 2,5 lần (OR: 2,53; 95%CI: 1,22-5,24; $p=0,011$) so với vệ sinh sinh dục từ 3 lần trở lên, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Tiến Nhựt (2018) với $p<0,05$, Thân Trọng Quang (2021) với $p<0,001$ [7], [9]. Nguồn nước sinh hoạt cũng là một trong số tác nhân gây viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. việc sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh (nước sông, ao, hồ) sẽ làm tăng tỷ lệ viêm âm đạo do nấm cao gấp 3,5 lần (OR: 3,46; 95%CI: 1,35-8,88; $p=0,007$) so

với sử dụng nước máy để tắm giặt, yếu tố này tương đồng với nghiên cứu của Ngũ Quốc Vĩ (2021) (OR: 2,30; 95%CI: 1,38-3,85; p=0,004) và Thân Trọng Quang (2021) với p<0,001 [6], [9]. Trong nghiên cứu của chúng tôi kết quả cho thấy thói quen lau khô sau khi tiểu tiện có mối liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. có tỷ lệ cao hơn 2,9 lần (OR:2,58; 95%CI %: 1,39-5,86; p=0,004) so với cách rửa và lau khô sau tiểu tiện yếu tố này phù hợp với nghiên cứu của Ngũ Quốc Vĩ (2021) (OR: 2,04; 95%CI: 1,24-3,35; p=0,004) [6]. Qua kết quả nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. với thói quen thay băng vệ sinh khi hành kinh từ 1-2 lần/ngày cao gấp 2,8 lần (OR: 2,83; 95%CI: 1,43-5,59; p=0,003) so với thay băng vệ sinh từ 3 lần trở lên với điều này có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của Phan Anh Tuấn (2013) (PR= 1,38; 95%CI: 1,05-1,51; p<0,05), Dương Mỹ Linh (2020) với (OR: 2,02; 95%CI: 1,20-3,45; p=0,004) [4], [10].

Nghiên cứu của chúng tôi chưa phát hiện tình trạng kinh nguyệt có liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. Một số yếu tố liên quan này không phải luôn là yếu tố hằng định trong các nghiên cứu. Lý giải cho vấn đề này có thể do nghiên cứu của chúng tôi với tỷ lệ phụ nữ có yếu tố này khá thấp hoặc mức độ liên quan đến yếu tố chưa thật sự nhiều.

Nhìn chung có sự khác biệt về tỷ lệ ở các nghiên cứu, sự khác biệt này có thể do điều kiện địa lý, thời gian thực hiện nghiên cứu, đặc điểm bệnh nhân tại mỗi địa điểm nghiên cứu. Tuy nhiên, từ các kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tỷ lệ phụ nữ bị viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. trong độ tuổi sinh đẻ vẫn còn cao qua các năm trong cộng đồng. Vì vậy, cần có những biện pháp can thiệp hữu hiệu hơn tại các bệnh viện trong việc điều trị và nâng cao nhận thức của phụ nữ về vệ sinh cá nhân để ngăn ngừa nguy cơ tái phát bệnh lý lâu dài.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. qua phương pháp soi tươi mẫu dịch phết âm đạo là 22,7%, tỷ lệ này qua nuôi cấy dịch phết âm đạo trong môi trường Sabouraud là 38,0%. Một số yếu tố liên quan đến viêm âm đạo do nấm *Candida* spp. ở các phụ nữ nghiên cứu được tìm thấy là: Thói quen vệ sinh sinh dục hàng ngày từ 1-2 lần/ngày (OR: 2,53; 95%CI: 1,22-5,24; p=0,011), nguồn nước sinh hoạt không hợp vệ sinh (OR: 3,46; 95%CI: 1,35-8,88; p=0,007), vệ sinh sau khi tiểu tiện với thói quen lau khô (OR: 2,85; 95%CI: 1,39-5,86; p=0,004), thay băng vệ sinh khi hành kinh từ 1-2 lần/ngày (OR: 2,83; 95%CI: 1,43-5,59; p=0,003).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nsenga, L., Bongomin, F. Recurrent *Candida* Vulvovaginitis. *Venereology*. 2022. 1, 114-123, <https://doi.org/10.3390/venereology1010008>.
2. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu. Bộ Y tế. 2015. 187.
3. Ngũ Quốc Vĩ, Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Thị Lợi. Nghiên cứu sự thay đổi tỷ lệ viêm âm đạo do 3 tác nhân thường gặp và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ vào năm 2008 và 2012. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*. 2013. 17(4), 118-123.
4. Dương Mỹ Linh, Hồng Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Thảo Linh. Nghiên cứu tình hình viêm âm đạo ở phụ nữ có chồng đến khám tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ và Bệnh viện Phụ Sản Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2020. 27, 53-59.
5. Lâm Hồng Trang, Bùi Chí Thương. Tỷ lệ viêm âm đạo và các yếu tố liên quan ở phụ nữ Khmer trong độ tuổi sinh sản tại huyện Trà Cú-tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*. 2018. 22(1), 179-183.

6. Ngũ Quốc Vĩ, Lâm Đức Tâm, Trần Khánh Nga. Tình hình viêm âm đạo và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2021. 39, 216-222.
7. Nguyễn Tiến Nhật, Lê Lam Hương. Tình hình viêm nhiễm đường sinh dục dưới ở phụ nữ trong tuổi sinh sản đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. *Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y Dược Huế*. 2018. 8(5), 102-107, www.doi.org/10.34071/jmp.2018.5.15.
8. Đỗ Thị Thùy Dung, Đỗ Ngọc Ánh, Hoàng Thị Hòa, Nguyễn Thị Hồng Yến. Một số đặc điểm dịch tễ học viêm sinh dục do nấm *Candida* ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ tại Bệnh viện Quân y 103 năm 2019-2020. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2020. 30(6), 113-120, <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2020/185>.
9. Thân Trọng Quang, Nguyễn Thùy Ánh Trâm. Tỷ lệ viêm âm đạo do *Candida* sp. và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ độ tuổi 16-49 tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk năm 2020. *Tạp chí Trường Đại học Tây Nguyên*. 2021. 50, 43-50.
10. Phan Anh Tuấn, Trần Thị Huệ Vân, Trần Thị Kim Chi, Nguyễn Thanh Liêm, Võ Văn Nhỏ. Tỷ lệ viêm âm đạo do *Candida* sp. và một số yếu tố liên quan của phụ nữ trong độ tuổi từ 18-49 có quan hệ tình dục đến khám phụ khoa tại Bệnh viện quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*. 2013. 17(1), 200-205.

KHẢO SÁT NỒNG ĐỘ KHÁNG THỂ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở NGƯỜI SAU 3 MŨI TIÊM VACCIN NGỪA VIÊM GAN B TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2022-2023

Mai Hiếu Tử^{1*}, *Nguyễn Ngọc Nhã Thảo*¹, *Nguyễn Thị Như Mai*², *Đỗ Thị Thu Hiền*¹,
*Lương Hồng Hạnh*², *Nguyễn Ngọc Thanh*², *Nguyễn Hồng Đoàn*²,
*Nguyễn Phan Hồng Thắm*², *Cao Anh Phong*²

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ

*Email: hieutu2011@gmail.com

Ngày nhận bài: 30/5/2023

Ngày phản biện: 06/9/2023

Ngày duyệt đăng: 15/9/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ nhiễm viêm gan B cao trong khu vực Đông Nam Á. Mặc dù vậy, viêm gan B có thể dự phòng bằng việc thay đổi lối sống và hành vi. Tuy nhiên, biện pháp tốt nhất là tiêm vaccin viêm gan B. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát tỉ lệ và mức độ kháng thể (IgG) tạo được trong máu ở người và xác định một số yếu tố liên quan đến khả năng đáp ứng miễn dịch sau khi tiêm 3 liều vaccin viêm gan B. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang có phân tích dựa trên 157 người ≥ 6 tháng tuổi đã được tiêm 3 liều vaccin